

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 67/2020/DS-PT
Ngày 23-11-2020
V/v tranh chấp chia tài sản
chung và chia thừa kế.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn L (tên gọi khác: Hoàng Công L); sinh năm 1936; đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Minh V; sinh năm 1973; đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Tổ dân phố số 5 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 5 thôn L, xã L), thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hoàng Thị N; sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Số nhà 25/139 đường L, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Anh Hoàng Văn Đ; sinh năm 1980; đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Tổ dân phố số 5 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 5 thôn L, xã L), thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Chị Hoàng Thị T; sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Tổ dân phố số 1 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 1 thôn L, xã L), thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn: Anh Hoàng Minh V.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông L, anh V, chị T, chị N, anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-11-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là ông Hoàng Văn L trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị Y sinh được 04 người con gồm: anh Hoàng Minh V, chị Hoàng Thị N, anh Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Thị T. Bà Ý không có con nuôi, không có con riêng, không có bố mẹ nuôi. Bà Ý chết ngày 12-11-2012, không để lại di chúc, bố mẹ đẻ bà Ý đều đã chết trước đó từ lâu.

Ông và bà Ý có những tài sản chung như sau:

- Thửa đất số 65 tờ bản đồ số 29.2 (sau đây viết tắt là thửa 65) địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2, thôn L, xã L), thành phố N diện tích 656,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 675744 ngày 12-01-2007 mang tên ông và bà Ý.

- Thửa đất số 47 tờ bản đồ số 29.2 (sau đây viết tắt là thửa 47) địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2, thôn L, xã L), thành phố N diện tích 345,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 601468 ngày 18-9-2006 mang tên ông và bà Ý.

- Tài sản trên thửa đất số 47 gồm: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 1987; 01 gian nhà bê tông cốt thép 1 tầng; 01 bếp mái ngói; 01 nhà chăn nuôi; 01 bể nước xây gạch; tường bao; cổng hai trụ mái bê tông và cổng sắt; 01 nhà vệ sinh mái bằng bê tông cốt thép (do chị T và chị N sửa chữa, xây dựng).

- Quyền sử dụng 3618m² đất ruộng, đất mạ tại xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C177665 ngày 25-7-1994 mang tên ông nhưng cấp cho các thành viên trong hộ gia đình gồm ông, bà Ý, anh V, chị N, chị T, mỗi người 02 sào 02 thước ruộng cấy và 04 thước ruộng mạ. Sau khi, được cấp ruộng cho hộ gia đình, ông đã chia cho các con sử dụng để cấy lúa từ nhiều năm nay như sau:

Anh V sử dụng thửa 55/18, tờ bản đồ số 2, diện tích 862m² (đồng Sậy) và 166m² ruộng mạ thuộc thửa 327/3, tờ bản đồ số 3 (trạm bơm).

Chị T sử dụng thửa số 28/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1152m² (đồng trên) và 167m² ruộng mạ thuộc thửa 348/3, tờ bản đồ số 3 (sau tòng);

Chị N sử dụng thửa số 19/22, tờ bản đồ số 2, diện tích 528m² (đồng trên) và 168m² ruộng mạ thuộc thửa 209/14, tờ bản đồ số 3 (cửa Thanh).

Ông và bà Ý sử dụng mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4, tờ bản đồ số 1 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa 138/5, tờ bản đồ số 1 (Nội ngoại).

Ngoài ra, năm 2002 Nhà nước thu hồi thửa 9/8 tờ bản đồ số 1, diện tích 1209m² để làm nhà máy rác thải, vợ chồng ông nhận tiền và đã chia cho anh V 1/5 giá trị tiền đền bù. Ông xác định số thửa, vị trí, địa danh và diện tích ruộng đúng như giấy chứng nhận, không yêu cầu đo đạc.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông và bà Ý và chia di sản thừa kế của bà Ý theo pháp luật. Cụ thể như sau: Phần tài sản thuộc sở hữu của ông và phần di sản thừa kế của bà Ý là bằng nhau, mỗi phần là 1/2 giá trị của các tài sản là: Diện tích 354,4m² thuộc thửa đất số 47 và tài sản xây dựng trên đất; diện tích 656,4m² thuộc thửa đất số 65; mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4 tờ bản đồ số 1 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa số 138/5 tờ bản đồ số 1 (Nội ngoại).

Từ khi bà Ý chết, ông vẫn quản lý, sử dụng thửa đất số 47 và các tài sản trên đất, các con đều đã có nhà ở riêng, có ruộng theo tiêu chuẩn; ông được hưởng phần lớn tài sản, nên ông có nguyện vọng được nhận hiện vật toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích 354,4m² và các công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 47 cùng với mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa số 138/5 (Nội ngoại).

Trước kia, vợ chồng ông đã cho anh V một phần đất trên thửa đất số 47 để xây dựng nhà ở riêng. Sau đó, anh V yêu cầu ông bán phần nhà đất này đi để anh V lấy tiền mua đất, tạo dựng chỗ ở khác. Nay ông xác định không có điều kiện thanh toán cho những người được thừa kế, đề nghị Tòa án chia thừa kế của bà Ý bằng hiện vật là mảnh đất diện tích 656,4m² thuộc thửa đất số 65 cụ thể như sau: Chia cho anh V diện tích đất tương đương với giá trị kỷ phần của anh V được hưởng, chia cho chị T diện tích đất là 300m², phần diện tích đất còn lại chia cho chị N. Anh Đ không nhận thừa kế bằng hiện vật, nên chị N và chị T có trách nhiệm thanh toán cho anh Đ bằng tiền. Tài sản ông được chia và kỷ phần thừa kế ông được hưởng sau khi đối trừ với giá trị hiện vật ông được chia giá trị còn lại ở thửa 65 ông tặng cho chị T và chị N và anh Đ đều nhau và bằng giá trị. Chị T và chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh Đ. Về đất ruộng, đất mạ ông đã chia ruộng cho các con sử dụng nhiều năm nay đề nghị giữ nguyên không lấy lại ruộng thừa, nhưng anh V không nhất trí ông đề nghị ruộng thừa theo tiêu chuẩn các bên thanh toán chênh lệch cho nhau.

Ông có quan điểm sau khi Tòa án xác định phần tài sản riêng của ông được chia và phần thừa kế ông được hưởng, ông tặng cho anh Hoàng Văn Đ

toàn bộ nhà và diện tích 354,4m² đất thuộc thửa số 47 để anh Đ về ở cùng và có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng ông đến chết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Hoàng Minh V trình bày:

Anh công nhận những nội dung trình bày của Ông L về thời điểm bà Ý chết và bà Ý chết không để lại di chúc. Về quan hệ gia đình, Ông L và bà Ý có 4 người con đẻ là anh, chị Hoàng Thị N, anh Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Thị T; bà Ý không có con nuôi, không có con riêng, không có bố mẹ nuôi; bố mẹ bà Ý đều đã chết trước bà Ý. Anh công nhận trình bày của Ông L về nguồn gốc, hiện trạng tài sản của Ông L và bà Ý gồm:

- Thửa đất số 65 diện tích 656,4m² địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2, thôn L, xã L), thành phố N, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 675744 ngày 12-01-2007 mang tên Hoàng Văn L và Nguyễn Thị Y.

- Thửa đất số 47 diện tích 345,4m², địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2, thôn L, xã L), thành phố N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 601468 ngày 18-9-2006 mang tên Hoàng Văn L và Nguyễn Thị Y và các công trình cây dựng trên đất; trừ nhà vệ sinh mái bê tông là do chị T và chị N mới xây dựng thêm cho Ông L sử dụng.

- Quyền sử dụng 3618 m² đất ruộng tại phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C177665 ngày 25-7-1994 mang tên Hoàng Công L, nhưng là cấp cho các thành viên trong hộ gia đình gồm Ông L, bà Ý, anh V, chị N, chị T. Sau khi, được cấp ruộng cho hộ gia đình và sau khi nhà nước thu hồi 1209m² làm nhà máy rác thải, Ông L và bà Ý đã chia ruộng cho các con cấy lúa từ nhiều năm nay. Cụ thể như sau:

Anh sử dụng thửa 55/18, tờ bản đồ số 2, diện tích 862m² (đồng Sậy) và 166m² ruộng mạ thuộc thửa 327/3, tờ bản đồ số 3 (trạm bơm).

Chị T sử dụng thửa số 28/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1152m² (đồng trên) và 167m² ruộng mạ thuộc thửa 348/3, tờ bản đồ số 3 (sau tòng).

Chị N sử dụng thửa số 19/22, tờ bản đồ số 2, diện tích 528m² (đồng trên) và 168m² ruộng mạ thuộc thửa 209/14, tờ bản đồ số 3 (cửa Thanh).

Ông L và bà Ý sử dụng mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4, tờ bản đồ số 1 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa 138/5, tờ bản đồ số 1 (Nội ngoại).

Anh công nhận về việc bố mẹ đã chia cho anh 1/5 tiền được đền bù thu hồi ruộng năm 2002 và cho anh một phần diện tích đất tại thửa đất số 47 để anh xây dựng nhà, sau đó anh yêu cầu Ông L bán nhà đất này đi để anh lấy tiền tạo dựng chỗ ở mới. Hiện nay, anh đã có gia đình riêng và có nhà đất ở tổ dân phố số 5 phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định. Anh cũng thừa nhận số thửa, vị trí, địa danh và diện tích ruộng hiện tại, không yêu cầu đo đạc lại.

Quan điểm của anh về việc chia di sản thừa kế của bà Ý như sau: Về phần nhà đất (gồm thửa đất số 47 và thửa 65) mỗi kỷ phần được chia diện tích 100m². Anh đề nghị nhận bằng hiện vật và được nhận diện tích đất tại thửa đất số 47 chiều rộng mặt ngõ 5m, chạy dọc theo chiều dài mảnh đất 20m. Về công trình xây dựng là nhà ở và nhà chăn nuôi, bếp, bể nước, tường bao, cổng trên thửa đất số 47, anh yêu cầu được hưởng 1/10 giá trị, nếu ai sử dụng phải thanh toán cho anh theo giá mà anh đưa ra. Về nhà vệ sinh chị T và chị N xây dựng cải tạo cho Ông L sử dụng anh không yêu cầu chia.

Về phần đất ruộng: Ruộng cấy và ruộng mạ tiêu chuẩn của các con, Ông L và bà Ý đã giao cho các con cấy từ nhiều năm, nay anh yêu cầu chia lại, mỗi mảnh ruộng ở các vị trí khác nhau chia đều thành 5 phần. Phần của bà Ý tiếp tục chia thành 5 phần cho những người được hưởng thừa kế.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn Đ trình bày:

Anh công nhận những nội dung trình bày của Ông L về quan hệ gia đình, bố mẹ và các con của bà Ý, về thời điểm chết của bà Ý và việc bà Ý không để lại di chúc, về nguồn gốc, hiện trạng tài sản của Ông L, bà Ý.

Anh đề nghị chia hiện vật là nhà đất tại thửa đất số 47 và mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa 138/5 (Nội ngoại) cho Ông L. Phần đất ruộng Ông L đã chia cho anh V, chị T, chị N nay đề nghị giữ nguyên. Thửa đất số 65, chia cho những người được hưởng thừa kế. Cụ thể: Chia cho anh V diện tích đất bằng kỷ phần được hưởng, phần diện tích đất còn lại đề nghị chia cho chị N và chị T, anh nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị tiền, chị T và chị N phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh. Anh chấp nhận phần giá trị tài sản Ông L tặng cho, để anh có trách nhiệm nuôi dưỡng Ông L.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị công nhận những nội dung trình bày của Ông L về quan hệ gia đình, bố mẹ và các con của bà Ý, về thời điểm chết của bà Ý và bà Ý chết không để lại di chúc; công nhận về nguồn gốc, hiện trạng tài sản của Ông L và bà Ý.

Chị đề nghị chia hiện vật là nhà đất tại thửa đất số 47 và mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa 138/5 (Nội ngoại) cho Ông L. Thửa đất số 65 chia cho những người được hưởng thừa kế của bà Ý. Chia cho anh V diện tích đất tương đương với kỷ phần được hưởng, chị có nguyện vọng được chia 300m² giáp nương và chị sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch kỷ phần cho anh Đ và giá trị tài sản Ông L tặng cho anh Đ. Chị nhất trí nhận giá trị tài sản của Ông L tặng cho.

Về đất ruộng Ông L đã chia ruộng cho các con sử dụng nhiều năm nay nên chị đề nghị được tiếp tục sử dụng thửa số 28/1 diện tích 1152m² (đồng trên)

và 167m² ruộng mạ thuộc thửa 348/3 (sau tòng); phần ruộng thừa chị có trách nhiệm thanh toán trả lại chênh lệch bằng giá trị tiền.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị công nhận những nội dung trình bày của ông Hoàng Văn L về quan hệ gia đình, bố mẹ và các con của bà Ý, về thời điểm chết của bà Ý và bà Ý chết không để lại di chúc; về nguồn gốc, hiện trạng tài sản của Ông L và bà Ý.

Chị đề nghị chia nhà đất tại thửa đất số 47 và mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa 138/5 (Nội ngoại) cho Ông L. Thửa đất số 65 chia thừa kế cho những người được hưởng thừa kế của bà Ý. Chia cho anh V diện tích đất tương đương với kỹ phần được hưởng, chia cho chị T 300m², chị có nguyện vọng được sử dụng phần còn lại và chị sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch kỹ phần cho anh Đ và giá trị tài sản Ông L tặng cho anh Đ. Chị nhất trí nhận giá trị tài sản của Ông L tặng cho.

Về đất ruộng Ông L đã chia ruộng cho các con sử dụng nhiều năm nay, nên chị đề nghị được tiếp tục sử dụng thửa số thửa số 19/22, tờ bản đồ số 2, diện tích 528m² (đồng trên) và 168m² ruộng mạ thuộc thửa 209/14, tờ bản đồ số 3 (cửa Thanh), phần ruộng của chị bị thiếu so với tiêu chuẩn chị xin nhận thanh toán bằng giá trị tiền.

Hợp tác xã Lộc Hòa và Ủy ban nhân dân phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C177665 ngày 25-7-1994 mang tên Hoàng Công L nhưng cấp cho các thành viên trong hộ gia đình, gồm ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị Y, anh Hoàng Minh V, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị T, theo tiêu chuẩn mỗi nhân khẩu được 2 sào 2 thước ruộng cấy và 04 thước ruộng mạ, tương đương 864m². Sau khi, được cấp ruộng, chủ hộ phân chia cho các thành viên trong gia đình và thông báo cho Hợp tác xã cấp sổ thanh toán dịch vụ. Ông L đã chia ruộng cho các con cấy từ nhiều năm nay như sau: Anh V sử dụng thửa 55/18, tờ bản đồ số 2, diện tích 862m² (đồng Sậy); chị T sử dụng thửa số 28/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1152m² (đồng trên); chị N sử dụng thửa số 19/22, tờ bản đồ số 2, diện tích 528m² (đồng trên); Ông L và bà Ý sử dụng mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4, tờ bản đồ số 1 (đầu Cầu). Thửa ruộng 1209m² nhà nước thu hồi làm nhà máy rác thải gia đình Ông L đã nhận tiền đền bù.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Nam Định cung cấp: Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29.2, diện tích 656,4m², địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2, thôn L, xã L), thành phố N đã được quy hoạch toàn bộ diện tích là đất ở.

Tại bản án dân sự số 15/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định. Căn cứ Điều 219, Điều 633, Điều 634, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật Dân

sự năm 2005; Điều 116, Điều 119, Điều 123, Điều 357, Điều 462, Điều 468, Điều 457, Điều 459, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và chia thừa kế về tài sản của ông Hoàng Văn L (tức Hoàng Công L).

Chấp nhận yêu cầu tặng cho tài sản của ông Hoàng Văn L (tức Hoàng Công L) đối với anh Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Thị N và chị Hoàng Thị T.

- Chia cho Ông L sở hữu quyền sử dụng diện tích đất 345,4m² và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, trị giá 951.807.000đ và thửa ruộng số 135/4, tờ bản đồ số 1, diện tích 503m² (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thửa số 138/5, tờ bản đồ số 1 (Nội ngoại), tổng diện tích đất ruộng là 575m², trị giá 43.125.000đ. Tổng giá trị là 994.932.000đ.

- Chia cho anh V sở hữu quyền sử dụng diện tích đất 104,4m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, vị trí số 1 giới hạn bởi các điểm 5,6,7,8,9,10 (có sơ đồ thửa đất kèm theo), trị giá 266.220.000đ và thửa ruộng số 55/18, tờ bản đồ số 2, diện tích 862m² (cánh đồng Sậy) và 166m² ruộng mạ thuộc thửa 327/3, tờ bản đồ số 3 (trạm bơm), tổng diện tích đất ruộng là 1028m², trị giá 77.100.000đ. Tổng giá trị là 343.320.000đ. Buộc anh V có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Hoàng Văn L 15.634.000đ.

- Chia cho chị N sở hữu quyền sử dụng diện tích đất 252m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, vị trí số 2 giới hạn bởi các điểm 4,5,10,9,11,12 (có sơ đồ thửa đất kèm theo), trị giá 642.600.000đ và thửa ruộng số 19/22, tờ bản đồ số 2, diện tích 528m² (đồng trên) và 168m² ruộng mạ thuộc thửa 209/14, tờ bản đồ số 3 (Cửa Thanh), tổng diện tích đất ruộng là 696m², trị giá 52.200.000đ. Tổng giá trị là 694.800.000đ. Buộc chị N thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Hoàng Văn Đ số tiền 157.137.000đ.

- Chia cho chị T sở hữu quyền sử dụng diện tích đất 300m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, vị trí số 3 giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,12,13,14,15 (có sơ đồ thửa đất kèm theo), trị giá 765.000.000đ và thửa ruộng số 28/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1152m² (đồng trên) và 167m² ruộng mạ thuộc thửa 348/3, tờ bản đồ số 3 (sau tòng), tổng diện tích đất ruộng là 1319m², trị giá 98.925.000đ. Tổng giá trị là 863.925.000đ. Buộc chị T thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đ số tiền 326.262.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu tặng cho quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất có điều kiện của ông Hoàng Văn L (tức Hoàng Công Lai) đối với anh Hoàng Văn Đ.

Anh Đ được quyền sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định), diện tích đất 345,4m².

Anh Đ có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc Ông L kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Ông L chết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-8-2020 anh Hoàng Minh V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án thành phố Nam Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị chia cho anh 104m² đất tại thửa 47, giá trị tài sản trên thửa 47 chia phải được sự thỏa thuận của anh, anh đề nghị chia đất ruộng, đất mạ các thửa thành 5 phần, phần của bà Ý tiếp tục chia thành 5 phần để bảo đảm sự công bằng. Anh không đồng ý thanh toán chênh lệch về tài sản là đất ruộng, đất mạ cho Ông L, diện tích thừa anh trả lại cho Ông L.

Chị T, chị N và anh Đ trình bày chia thừa kế của bà Ý tại thửa 47 kỷ phần các chị và anh Đ được hưởng nhường cho Ông L nhận hiện vật và Ông L phải thanh toán giá trị tài sản cho các chị và anh Đ. Chị T, chị N và anh Đ không nhất trí với kháng cáo của anh V đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông L trình bày giữ nguyên câu chia tài sản chung giữa ông và bà Ý; và đề nghị chia di sản của bà Ý theo pháp luật, ông đề nghị được nhận hiện vật tại thửa 47; chia thừa kế thừa 65 ông đề nghị chia cho anh V diện tích đất tương đương với kỷ phần anh V được hưởng, chia cho chị T 300m², phần diện tích đất còn lại chia cho chị N. Anh Đ không nhận thừa kế bằng hiện vật, chị N và chị T có trách nhiệm thanh toán cho anh Đ bằng tiền. Tài sản chung của ông được chia và kỷ phần thừa kế của ông được hưởng, sau khi đối trừ với giá trị hiện vật ông được chia, giá trị còn lại còn lại ở thửa 65 ông cho chị N, chị T và anh Đ đều nhau và bằng giá trị. Về đất ruộng, đất mạ ông đã chia cho các con sử dụng nhiều năm, ông đề nghị giữ nguyên, nhưng anh V không nhất trí, ông đề nghị đất ruộng, đất mạ thừa theo tiêu chuẩn các bên thanh toán chênh lệch cho nhau. Sau khi, Tòa án chia hiện vật cho ông tại thửa 47 ông tặng cho anh Đ toàn bộ nhà, đất thuộc thửa số 47 để anh Đ về ở cùng ông và có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng ông đến chết. Ông không yêu cầu anh V phải thanh toán cho ông giá trị chênh lệch đất ruộng, đất mạ số tiền là 15.634.000đ.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã

tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh V đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về việc chia 3618 m² đất ruộng, đất mạ: Theo cung cấp của Hợp tác xã Lộc Hòa và Ủy ban nhân dân phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định và lời trình bày của các bên đương sự thì năm 1994 diện tích đất ruộng, đất mạ được nhà nước cấp cho hộ gia đình Ông L gồm Ông L, bà Ý, anh V, chị N, chị T (anh Đ không được giao đất ruộng, đất mạ) tiêu chuẩn mỗi người được cấp là 02 sào 02 thước ruộng cấy và 04 thước ruộng mạ, tương đương 864m². Sau đó, chủ hộ sẽ chia cho các thành viên trong gia đình và ghi vào sổ giao khoán để thanh toán dịch vụ hàng năm. Ngày 25-7-1994 Ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng, đất mạ là 4827m². Năm 2002 Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định thu hồi 1209m² đất lúa thừa 9/8 nên diện tích đất ruộng, đất mạ còn lại là 3618 m².

[2] Hộ gia đình Ông L có 05 nhân khẩu được cấp đất ruộng, đất mạ là: Ông L, bà Ý, anh V, chị N, chị T. Diện tích đất ruộng và đất mạ, Ông L, bà Ý, anh V, chị N, chị T mỗi người được chia là $3618\text{m}^2 : 5 = 723,6\text{m}^2$ trị giá là $723,6\text{m}^2 \times 75.000\text{đ}/\text{m}^2 = 54.270.000\text{đ}$.

[3] Chia tài sản chung của Ông L và bà Ý thừa 65 và thừa 47:

[4] Thừa 65 có diện tích là 656,4m² đất, phần bà Ý và Ông L mỗi người được chia là $656,4\text{m}^2 : 2 = 328,2\text{m}^2$ đất có trị giá là $328,2\text{m}^2 \times 2.550.000\text{đ}/\text{m}^2 = 836.910.000\text{đ}$.

[5] Thừa số 47 có diện tích 345,4m² đất phần bà Ý và Ông L mỗi người được chia là $345,4\text{m}^2 : 2 = 172,7\text{m}^2$ đất có trị giá là $172,7\text{m}^2 \times 2.550.000\text{đ}/\text{m}^2 = 440.385.000\text{đ}$.

[6] Giá trị tài sản trên thừa đất 47 gồm có: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 1987; 01 gian nhà bê tông cốt thép 1 tầng; 01 bếp mái ngói; 01 nhà chăn nuôi; 01 bể nước xây gạch; tường bao; cổng hai trụ mái bê tông và cổng sắt, theo kết quả định giá có tổng giá trị là 71.037.000đ (không tính giá trị 01 nhà vệ sinh mái bằng bê tông cốt thép là do chị T và chị N xây dựng lên). Phần của Ông L và bà Ý mỗi người được chia là $71.037.000\text{đ} : 2 = 35.518.500\text{đ}$.

[7] Giá trị tài sản chung tại thừa 65 và thừa 47 và giá trị đất ruộng, đất mạ Ông L, bà Ý mỗi người được chia là: $836.910.000đ + 440.385.000đ + 35.518.500đ + 54.270.000đ = 1.367.083.500đ$.

[8] Chia thừa kế 723,6m² đất ruộng, đất mạ của bà Ý: Do bà Ý chết không để lại di chúc nên những người được hưởng thừa kế đất ruộng của bà Ý gồm Ông L, anh V, anh Đ, chị T và chị N. Kỳ phần thừa kế mỗi người được hưởng là $723,6m^2 : 5 = 144,72m^2$ giá trị là $144,72m^2 \times 75.000đ/m^2 = 10.854.000đ$.

[9] Chia thừa kế phần diện tích đất bà Ý tại thừa đất 65 và thừa 47:

[10] Chia thừa kế thừa 65 diện tích 328,2m² đất mỗi kỳ phần được hưởng là $328,2m^2 : 5 = 65,64m^2$ đất trị giá 167.382.000đ. Cụ thể Ông L được hưởng 65,64m² đất trị giá 167.382.000đ, anh V được hưởng là 65,64m² đất trị giá 167.382.000đ, anh Đ được hưởng là 65,64m² đất trị giá 167.382.000đ, chị T được hưởng là 65,64m² đất trị giá 167.382.000đ, chị N được hưởng là 65,64m² đất trị giá 167.382.000đ.

[11] Chia thừa kế thừa 47 diện tích 172,7m² đất mỗi kỳ phần được hưởng là $172,7m^2 : 5 = 34,54m^2$ đất trị giá 88.077.000đ. Cụ thể Ông L được hưởng 34,54m² đất trị giá 88.077.000đ, anh V được hưởng là 34,54m² đất trị giá 88.077.000đ, anh Đ được hưởng là 34,54m² đất trị giá 88.077.000đ, chị T được hưởng là 34,54m² đất trị giá 88.077.000đ, chị N được hưởng là 34,54m² đất trị giá 88.077.000đ.

[12] Chia thừa kế giá trị các công trình trên đất thừa 47: Giá trị công trình trên đất bà Ý được chia là 35.518.500đ. Ông L, chị T, chị N, anh V, anh Đ mỗi người được hưởng kỳ phần thừa kế là $35.518.500đ : 5 = 7.103.700đ$.

[13] Ông L được hưởng thừa kế khi chia di sản của bà Ý là $10.854.000đ + 167.382.000đ + 88.077.000đ + 7.103.700đ = 273.416.700đ$. Ông L được chia tài sản chung với bà Ý và được hưởng thừa kế của bà Ý tổng là $1.367.083.500đ + 273.416.700đ = 1.640.500.200đ$.

[14] Anh V được hưởng chia thừa kế của bà Ý là: $10.854.000đ + 167.382.000đ + 88.077.000đ + 7.103.700đ = 273.416.700đ$ và giá trị đất ruộng, đất mạ được chia là 54.270.000đ. Tổng là 327.686.700đ.

[15] Chị N được hưởng chia thừa kế của bà Ý là: $10.854.000đ + 167.382.000đ + 88.077.000đ + 7.103.700đ = 273.416.700đ$ và giá trị được chia đất ruộng, đất mạ là 54.270.000đ. Tổng là 327.686.700đ.

[16] Chị T được hưởng chia thừa kế của bà Ý là: $10.854.000đ + 167.382.000đ + 88.077.000đ + 7.103.700đ = 273.416.700đ$ và giá trị được chia đất ruộng, đất mạ là 54.270.000đ. Tổng là 327.686.700đ.

[17] Anh Đ được hưởng chia thừa kế của bà Ý là: $10.854.000đ + 167.382.000đ + 88.077.000đ + 7.103.700đ = 273.416.700đ$.

[18] Chia hiện vật: Đối với đất ruộng và đất mạ: Xét thấy, sau khi được giao đất ruộng, đất mạ cho các thành viên gia đình Ông L (trừ anh Đ) thì Ông L đã phân chia cho các con, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có ý kiến giữ nguyên đất ruộng, đất mạ đã chia (trừ anh V) và thanh toán chênh lệch cho thành viên khác nếu thực tế sử dụng nhiều hơn, để thuận lợi cho việc canh tác. Hội đồng xét xử giữ nguyên vị trí và diện tích đất ruộng, đất mạ mà Ông L đã chia cho các thành viên trong gia đình trừ anh Đ không được chia.

[19] Cụ thể là: Ông L sử dụng mảnh ruộng 503m² thuộc thửa 135/4, tờ bản đồ số 1 (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thuộc thửa 138/5, tờ bản đồ số 1 (Nội ngoại). Tổng là 575m² trị giá 43.125.000đ.

[20] Anh V sử dụng thửa 55/18, tờ bản đồ số 2, diện tích 862m² (đồng Sậy) và 166m² ruộng mạ thuộc thửa 327/3, tờ bản đồ số 3 (trạm bơm). Tổng là 1.028m² trị giá 77.100.000đ.

[21] Chị T sử dụng thửa số 28/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1152m² (đồng trên) và 167m² ruộng mạ thuộc thửa 348/3, tờ bản đồ số 3 (sau tòng); Tổng là 1319 m² trị giá 98.925.000đ.

[22] Chị N sử dụng thửa số 19/22, tờ bản đồ số 2, diện tích 528m² (đồng trên) và 168m² ruộng mạ thuộc thửa 209/14, tờ bản đồ số 3 (cửa Thanh). Tổng là 696m² trị giá 52.200.000đ.

[23] Đối với thửa đất 47 Ông L hiện nay đang quản lý sử dụng, Ông L tuổi cao, sức yếu, đã và đang sinh hoạt ổn định nhà, đất tại thửa đất số 47, những người là con Ông L đều đã có chỗ ở riêng, tại phiên tòa chị T, chị N và anh Đ đều nhường kỷ phần bằng hiện vật cho Ông L và Ông L thanh toán cho các chị và anh Đ bằng giá trị, nên Hội đồng xét xử chia cho Ông L được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 47 và sở hữu các công trình xây dựng trên đất là phù hợp.

[24] Về nhà vệ sinh trên thửa đất 47 do chị T và chị N xây dựng nhưng các bên không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

[25] Thửa đất số 65 có diện tích 656,4m² trên đất không có công trình xây dựng để thuận lợi cho việc thi hành bản án, cấp sơ thẩm đã chia anh V, chị T, chị N được quyền sử dụng thửa đất 65 là phù hợp. Theo lời trình bày của Ông L, anh Đ, chị T và chị N chia cho anh V bằng đúng kỷ phần anh V được hưởng, tuy nhiên để bảo đảm thuận lợi cho việc sử dụng đất cấp sơ thẩm chia cho anh Đ 104,4m² có trị giá là 266.220.000đ, chia cho chị N được quyền quản lý sử dụng 252m² đất có giá trị là 642.600.000đ; chia cho chị T được quyền sử dụng 300m² đất có giá trị là 765.000.000đ là phù hợp cấp phúc thẩm giữ nguyên về chia hiện vật tại thửa 65.

[26] Thanh toán chênh lệch tài sản: Ông L được chia hiện vật là đất và các tài sản trên đất thuộc thửa 47 trị giá là 951.807.000 đồng và được chia hiện vật là 503m² đất ruộng thuộc thửa 135/4, tờ bản đồ số 1 (đầu Cầu) và 72m² đất ruộng mạ thuộc thửa 138/5, tờ bản đồ số 1 (Nội ngoại) tổng là 575m² trị giá

43.125.000đ. Tổng giá trị Ông L được chia hiện vật là 994.932.000đ. Giá trị Ông L được chia hiện vật còn thiếu tại thừa 65 là 1.640.500.200đ - 994.932.000đ = 645.568.200đ.

[27] Anh V được chia hiện vật có giá trị là 266.220.000đ + 77.100.000đ = 343.320.000đ. Trừ giá trị tài sản anh V được hưởng chia thừa kế của bà Ý và giá trị đất ruộng, đất mạ được chia là 327.686.000đ. Anh V phải thanh toán chênh lệch cho Ông L là 15.634.000đ. Tại phiên tòa, Ông L tự nguyện không yêu cầu anh V thanh toán chênh lệch giá trị tài sản đất ruộng, đất mạ là 15.634.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và anh V không phải thanh toán cho Ông L số tiền chênh lệch về đất ruộng, đất mạ là 15.634.000đ.

[28] Quá trình giải quyết vụ án Ông L trình bày giá trị tài sản chung Ông L được chia và hưởng thừa kế, sau khi đối trừ giá trị ông được nhận hiện vật còn lại tại thừa 65, Ông L tặng cho chị T, chị N và anh Đ bằng nhau và bằng giá trị, nên giá trị tài sản Ông L tặng cho chị T, chị N và anh Đ mỗi người là 645.568.200đ - 15.634.000đ = 629.934.200đ : 3 = 209.978.066đ.

[29] Chị N được hưởng chia thừa kế của bà Ý và giá trị được chia đất ruộng, đất mạ là 327.686.000đ và được Ông L tặng cho là 209.978.066đ, tổng là 537.664.066đ. Chị N được chia hiện vật trị giá là 642.600.000đ + 52.200.000đ = 694.800.000đ, chị N phải thanh toán chênh lệch cho anh Đ là 157.135.934đ.

[30] Chị T được hưởng chia thừa kế của bà Ý và giá trị được chia đất ruộng, đất mạ là 327.686.000đ và được Ông L tặng cho là 209.978.066đ, tổng là 537.664.066đ. Chị T được chia hiện vật trị giá là 765.000.000đ + 98.925.000đ = 863.925.000đ, chị T phải thanh toán chênh lệch cho anh Đ là 326.260.934đ.

[31] Anh Đ không nhận hiện vật nên được nhận số tiền tương ứng với kỹ phần thừa kế được hưởng và số tiền Ông L tặng cho tổng là 483.396.868đ trong đó anh Đ được nhận giá trị chênh lệch tài sản từ chị N là 157.135.934đ và được nhận giá trị chênh lệch tài sản từ chị T là 326.260.934đ.

[32] Về việc tặng cho tài sản: Xét yêu cầu của Ông L tặng cho diện tích 345,4m² và tài sản trên đất mà Ông L được chia tại thừa đất số 47 cho anh Đ và anh Đ có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc Ông L đến chết là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và anh Đ cũng nhất trí nhận tài sản tặng cho có điều kiện của Ông L, nên cấp sơ thẩm chấp nhận việc tặng cho tài sản giữa Ông L và anh Đ là phù hợp pháp luật.

[33] Về chi phí tố tụng: Ông L tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, không yêu cầu các đương sự khác trong vụ án phải chịu khoản chi phí tố tụng này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[34] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[35] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông L.

[36] Anh V, chị N, chị T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.384.300đ. Anh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.670.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468, Điều 457, Điều 459, Điều 623, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L (tức Hoàng Công L) về chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị Y.

- Chấp nhận yêu cầu tặng cho giá trị tài sản còn lại của ông Hoàng Văn L (tức Hoàng Công L) tại thửa 65 tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 Lương Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đối với anh Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Thị N và chị Hoàng Thị T.

- Chia cho Ông L được quyền sử dụng diện tích đất 345,4m² và sở hữu các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định có trị giá 951.807.000đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG 601468 ngày 18-9-2006 mang tên ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị Y và chia cho Ông L được quyền sử dụng đất ruộng, đất mạ như hiện trạng Ông L đang quản lý sử dụng cụ thể là Ông L được quyền sử dụng thửa ruộng số 135/4, tờ bản đồ số 1, diện tích 503m² (đầu Cầu) và 72m² ruộng mạ thửa số 138/5, tờ bản đồ số 1 (Nội ngoại), tổng diện tích đất ruộng, đất mạ là 575m², trị giá 43.125.000 đồng. Tổng giá trị là 994.932.000đ.

- Chia cho anh V được quyền sử dụng diện tích đất 104,4m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định có vị trí số 1 giới hạn bởi các điểm 6,7,8,9,10,5,6 (có sơ đồ thửa đất kèm theo), trị giá 266.220.000đ và chia cho anh V được quyền sử dụng đất ruộng, đất mạ như hiện trạng anh V đang quản lý sử dụng cụ thể là thửa ruộng số 55/18, tờ bản đồ số 2, diện tích 862m² (cánh đồng Sậy) và 166m² ruộng mạ thuộc thửa 327/3, tờ bản đồ số 3

(trạm bơm), tổng diện tích đất ruộng, đất mạ là 1028m², trị giá 77.100.000đ. Tổng giá trị là 343.320.000đ

- Chia cho chị Hoàng Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 252m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, có vị trí số 2 giới hạn bởi các điểm 5,10,9,11,12,4,5 (có sơ đồ thửa đất kèm theo), trị giá 642.600.000đ và chia cho chị N được quyền sử dụng đất ruộng, đất mạ như hiện trạng chị N đang quản lý sử dụng cụ thể là thửa ruộng số 19/22, tờ bản đồ số 2, diện tích 528m² (đồng trên) và 168m² ruộng mạ thuộc thửa 209/14, tờ bản đồ số 3 (Cửa Thanh), tổng diện tích đất ruộng, đất mạ là 696m², trị giá 52.200.000đ. Tổng giá trị là 694.800.000đ.

Buộc chị N phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh Hoàng Văn Đ số tiền 157.135.934đ.

- Chia cho chị Hoàng Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 300m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, có vị trí số 3 giới hạn bởi các điểm 4,12,13,14,15,1,2,3,4 (có sơ đồ thửa đất kèm theo), trị giá 765.000.000đ và chia cho chị T được quyền sử dụng đất ruộng, đất mạ như hiện trạng chị T đang quản lý sử dụng cụ thể là thửa ruộng số 28/1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1152m² (đồng trên) và 167m² ruộng mạ thuộc thửa 348/3, tờ bản đồ số 3 (sau tòng), tổng diện tích đất ruộng, đất mạ là 1319m², trị giá 98.925.000đ. Tổng giá trị là 863.925.000đ.

Buộc chị Hoàng Thị T phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh Hoàng Văn Đ số tiền 326.260.934đ.

Anh Đ được nhận giá trị chênh lệch tài sản từ chị N là 157.135.934đ và anh Đ được nhận giá trị chênh lệch tài sản từ chị T là 326.260.934đ. Tổng là 483.396.868đ.

2. Chấp nhận yêu cầu tặng cho quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất có điều kiện của ông Hoàng Văn L (tức Hoàng Công Lai) đối với anh Hoàng Văn Đ.

Anh Hoàng Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 345,4m² đất và được sở hữu các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 29.2, địa chỉ: Tổ dân phố số 2 L, phường L (địa chỉ cũ: Xóm 2 thôn L, xã L), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Anh Đ có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc Ông L kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Ông L chết.

3. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số AH 675744 ngày 12-01-2007 mang tên ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị Y và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số AG

601468 ngày 18-9-2006 mang tên ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị Y và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số C 177665 ngày 25-7-1994 mang tên ông Hoàng Văn L để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án. Hiện tại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đang do Ông L quản lý.

Các đương sự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh V không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho anh V số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số 0003155 ngày 24-8-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L được miễn án phí dân sự sơ thẩm; anh V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 16.384.300đ; chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 16.384.300đ; chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 16.384.300đ; anh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 13.670.000đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND TP Nam Định
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu